

**THÍCH THÁI HÒA**

**TU TẬP TỊNH GIỚI  
VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ**

**NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC**

# MỤC LỤC

I. Khái quát .....	3
1-Pháp môn Tịnh độ được thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới.....	3
2-Ba pháp quy y và Năm giới trong pháp hành Tịnh độ.....	9
II. Nhân duyên phát khởi niềm tin ....	11
1-Chứng kiến .....	12
2-Thực nghiệm.....	22
3-Suy nghiệm.....	24
4- Nghe từ các bậc Trí giả nội chứng .....	35
III. Bản nguyện Tịnh độ.....	44
IV. Tín Căn Và Tín Lực .....	53
V. Khuyến tấn .....	60

# TU TẬP TỊNH GIỚI VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

*Thầy Thích Thái Hòa giảng tại trường*

*Hạ chùa Vạn-đức, Thủ-đức, Phật lịch 2564*

## I. Khái quát

### 1-Pháp môn Tịnh độ được thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới

Chúng ta muốn tu tập pháp môn Tịnh độ thành công thì sự thành công ấy, phải đặt trên nền tảng của Tịnh giới. Bởi vì, thế giới Tịnh độ của chư Phật nói chung và thế giới Tịnh độ của đức Phật A-di-đà nói riêng, đều được thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới. Tịnh giới có ba chủng

loại: Chủng loại thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới, chủng loại thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới và chủng loại thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới.

Như vậy, Tịnh độ của chư Phật mười phương và đức Phật A-di-đà đều thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới. Cho nên không có Tịnh giới là không bao giờ có Tịnh độ, bởi vì thế giới Tịnh độ là thế giới mà không có ba đường xấu ác (địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh). Như đại nguyện thứ nhất trong bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà khi hành Bồ tát đạo, Ngài đã nguyện rằng: “Nguyện khi tôi thành Phật, cõi nước Tịnh độ của

tôi không có ba đường dữ xấu ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh”.

Tại sao Tịnh độ của đức Phật A-di-đà không có ba đường xấu ác đó? Tại vì chư thiên, nhân loại ở nơi thế giới Tịnh độ của đức Phật A-di-đà hay là những chư thiên, nhân loại trong mười phương muốn sanh về thế giới Tịnh độ của Phật A-di-đà toàn là những người không gieo nhân xấu, không gieo nhân ác, không tạo ra nghiệp ác, cho nên thế giới Tịnh độ của Phật A-di-đà không có ba đường xấu ác là địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh. Vì sao không có ba con đường đó? Bởi vì

không có ai tạo ác nghiệp để có cảnh giới của địa ngục, ngạ quỷ, súc sanh.

Và nguyện thứ hai trong bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà còn nguyện rằng: “Những vị chư thiên, nhân loại trong mười phương sanh về nước tôi rồi thì không còn đọa lạc lại ở trong địa ngục, ngạ quỷ và súc sinh”.

Cho nên, thế giới Tịnh độ là thế giới mà không có ba đường xấu ác và không có con người nghĩ về điều ác, do đó thích ứng với chủng loại thứ nhất là Nhiếp luật nghi giới. Nghĩa là chủng loại Giới đình chỉ hết thấy điều ác thuộc về thân, ngữ và

ý. Nên, Tịnh độ Phật A-di-đà được xây dựng trên nền tảng Nhiếp luật nghi giới.

Thế giới Tịnh độ của Phật A-di-đà tu tập càng ngày càng tiến lên qua tấn căn, tấn lực, cho nên từ cái thiện của thế giới con người, tiến lên cái thiện của thế giới chư thiên; rồi từ cái thiện của thế giới chư thiên, tiến lên cái thiện của các bậc Thanh văn; rồi cái thiện của các bậc Thanh văn, tiến lên cái thiện của các bậc Duyên giác; rồi cái thiện của các bậc Duyên giác, tiến lên cái thiện của các bậc Bồ tát, cho đến Bồ tát Nhất sanh bồ xứ, và cho đến cái thiện hoàn hảo của Phật. Do đó, Tịnh độ của đức Phật A-di-đà được xây dựng trên

nền tảng chủng loại Giới thứ hai là Nhiếp thiện pháp giới.

Chủng loại Giới thứ ba là Nhiêu ích hữu tình giới. Tại sao đức Phật A-di-đà hành Bồ tát đạo, Ngài nguyện thiết lập thế giới Tịnh độ? Bởi vì, khi hành Bồ tát đạo, Ngài đi học đạo và giáo hóa chúng sanh khắp cả mười phương thế giới với nhiều hình thức khác nhau, Ngài đã tham vấn tất cả Tịnh độ của chư Phật khắp mười phương. Từ đó, Ngài rút ra bốn mươi tám đại nguyện để thiết lập cõi Tịnh độ cho chúng sanh tương thích.

Như vậy, Tịnh độ của đức Phật A-di-đà được thành tựu là từ nơi chủng loại



Giới thứ ba là Nhiều ích hữu tình giới. Ngài thành lập Tịnh độ là vì lợi ích chúng sinh, chứ không phải thành lập Tịnh độ để mình làm giáo chủ.

## **2-Ba pháp quy y và Năm giới trong pháp hành Tịnh độ**

Tịnh giới có liên hệ mật thiết đến pháp môn Tịnh độ. Vì vậy, muốn thực hành pháp môn Tịnh độ có hiệu quả thì mình phải phát nguyện quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng.

Tuy nhiên, quy y Phật, quy y Pháp, quy y Tăng ở đây không phải là từ nay cho đến trọn đời mà là “con nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Phật, không quy y

trời thân quý vật; nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Pháp, không quy y ngoại đạo tà giáo; nguyện đời đời kiếp kiếp quy y Tăng, không quy y tôn hữu ác đảng hay là thầy tà bạn ác” và “nguyện đời đời kiếp kiếp giữ gìn không sát sanh, không trộm cắp, không tà hạnh, không nói dối, không uống rượu và các chất say nghiện”. Nếu chúng ta có nền tảng của Tịnh giới thì chúng ta tu tập pháp môn Tịnh độ rất dễ thành công. Còn nếu tu Tịnh độ mà không thiết lập trên nền tảng của Tịnh giới, thì Tịnh độ đó không có cơ sở giúp mình đi tới ước nguyện vãng sanh. Đây là giải thích Tịnh độ qua lăng kính của người hành trì Giới luật.

## **II. Nhân duyên phát khởi niềm tin**

Thưa đại chúng, nhiều vị đã hỏi tôi:

- “Thưa thầy! Thầy tin có Tịnh độ Phật A-di-đà không?”. Tôi trả lời: “Tôi tin tuyệt đối có Tịnh độ Phật A-di-đà”.

- “Vì sao Thầy tin tuyệt đối có Tịnh độ Phật A-di-đà?”

“Vì tôi tin tuyệt đối vào Tịnh giới; vì tôi tin tưởng tuyệt đối vào phẩm tính giác ngộ và tuệ giác của đức Phật Thích-ca; tôi tin tuyệt đối vào Giáo pháp của đức Phật dạy; tôi tin tuyệt đối vào sự thanh tịnh hòa hợp của Tăng đoàn và vì tôi có niềm tin tuyệt đối như vậy, cho nên tôi tin tuyệt đối có Tịnh độ. Không phải tôi

chỉ tin có Tịnh độ Phật A-di-đà, mà còn tin có Tịnh độ của chư Phật khắp mười phương”.

- “Thầy chưa vãng sanh Tịnh độ, sao Thầy tin tuyệt đối về Tịnh độ?”

“Mặc dù, tôi chưa vãng sanh Tịnh độ, nhưng tôi tin tuyệt đối có thể giới Tịnh độ, qua bốn duyên khởi: Chứng kiến, thực nghiệm, suy nghiệm và nghe thấy từ các bậc trí giả”.

## **1-Chứng kiến**

Nhân duyên thứ nhất tôi tin tuyệt đối về thế giới Tịnh độ là do tôi có chứng kiến từ Thầy tổ chúng tôi, từ thiện hữu

tri thức của chúng tôi, từ tín đồ mà chúng tôi thấy rằng, họ tu tập pháp môn Tịnh độ thành công và có kết quả nhất định.

Sau năm 1975, quê tôi có bác Cửu-cang làm Khuôn trưởng Khuôn Thành-công, Quảng-điền, tỉnh Thừa-thiên. Bác là ông nội của Hòa thượng Tịnh-diệu, Trụ trì chùa Giác-hải, Vạn-ninh, Khánh-hòa. Lúc đó bác khoảng hơn 80 tuổi, chỉ bị bệnh nhẹ. Hòa thượng Tịnh-diệu từ Khánh-hòa đi về Huế và mời tôi cùng thầy Thuận-trực (Giám tự Tổ đình Tây-thiên, Huế) về thăm và cầu an cho ông nội. Khi về làm lễ cầu an, Hòa thượng Tịnh-diệu lúc bấy giờ nói “xin quý thầy

tụng cho một biển kinh A-di-đà”. Tôi mới cười và nói: “Nếu mà tụng kinh A-di-đà, ông nội thấy cảnh giới của Phật trang nghiêm đẹp như thế thì ông xả báo thân về Tịnh độ liền sao?”. Ông nội của Hòa thượng bỗng chắp tay lại nói: “Cái đó đệ tử đâu dám, chuyện đó là Phật sắp xếp, đệ tử đâu dám”. Thế là ba anh em chúng tôi tụng kinh A-di-đà. Ông nằm chắp tay lắng nghe, tụng kinh xong, ông kêu thầy Tịnh-diệu: “Thầy đắp y hậu, ngồi trên đầu, nói lại giới Bồ tát tại gia cho tôi nghe”. Hòa thượng Tịnh-diệu mới đắp y hậu, ngồi trên đầu, nói lại giới Bồ tát tại gia cho ông nghe về sự phát Bồ đề tâm, về sự phát đại nguyện, về Tín,

Nguyện, Hạnh của người thợ tri Bồ tát giới tại gia. Nghe xong thì ông nói với ba cô con gái: “Các con pha nước cho ba Thầy dùng”. Ba cô con gái nói: “Thưa Ôn, mấy con pha rồi”. Ông nói: “Ba thầy của mình ở đó rồi, nhưng mà còn có ba thầy đang đi đến, pha nước chuẩn bị cho ba thầy dùng”. Hòa thượng Tịnh-diệu mới vỗ trên vai ông nói “Ôn giữ chánh niệm, niệm Phật”. Ông nói: “Không, tôi nói thật mà”. Một lát sau ba cô con gái đó hét lên một cái, thì tôi hỏi sao hét lên như vậy, họ nói rằng: “Có ba thầy, mặc ba chiếc áo vàng đi từ không trung đến và đang đứng trước sân”. Ba cô con gái nói như vậy, mình thì không thấy gì cả,

nhưng ba cô ấy nói một cách rất rõ ràng. Xong một lát, trông thấy nét mặt của ông nội rất tươi và đẹp, ông nhắm mắt lại, thì cả ba anh em chúng tôi đến đứng xung quanh và hộ niệm, vừa niệm “Nam mô A-di-đà Phật”, thì ông vừa chấp tay và nhìn chúng tôi, ông cũng niệm “Nam mô A-di-đà Phật”, và niệm cho đến khi ông đưa hai tay ập lên trái tim của mình và đi.

Rõ ràng, tu tập Tịnh độ có kết quả, có kết quả mà chính là tôi chứng kiến, chứ không phải sách vở, không phải nghe người khác kể. Vì vậy, tôi tin tu tập Tịnh độ chí thành, chí thiết là có kết quả.



Cảnh giới Tịnh độ của chư Phật là cảnh giới có thực, cảnh giới của Phật A-di-đà là cảnh giới có thực, đó là một chuyện mà tôi đã chứng kiến.

Chuyện thứ hai. Một hôm vào lúc 9h tối, mẹ tôi nhức đầu nhẹ, rồi bà nói với ông già tôi là: “Ôn ra vườn hái cho tôi chín ngọn lá trường sanh, rửa sạch, rồi đem vào giúp tôi”. Ông già tôi mới ra ngoài vườn hái chín ngọn lá trường sanh, rửa sạch và đem vào cho bà. Bà ngồi với tư thế kiết già, nhai chín ngọn lá đó và khi nhai xong, thì ông già tôi ra đóng cửa, trong này bà niệm Phật ba tiếng thiết to: “Nam mô A-di-đà Phật. Nam mô A-di-

đà Phật. Nam mô A-di-đà Phật”. Khi ông già tôi đóng cửa xong, đi vào thì thấy bà đi rồi. Đó là chuyện mẹ tôi.

Thân phụ của tôi 94 tuổi cũng đau rất nhẹ nhàng. Trước khi xả bỏ báo thân là ông ăn một tô cháo, rồi dạy con cháu ngồi xung quanh đó, ông đem tiền lì xì cho mỗi đứa ngồi xung quanh và dặn: “Ngồi đó ta ngủ nửa giờ ta dậy”. Ông ngủ đủ nửa giờ ông dậy, xong, ông chống gậy đi vào nhà vệ sinh. Người cháu kêu bằng bác ruột dìu ông đi thì ông nói: “Không cần, bác đi được”. Ông vào nhà vệ sinh đóng cửa lại, đi vệ sinh. Đi vệ sinh xong, tự rửa tay, làm vệ sinh sạch sẽ xong, ông

ra ngồi trên giường. Ngồi khoảng mười lăm phút, một người em con chú của tôi, báo tôi là bác sắp đi. Tôi liền bước vào phòng của ông, ngồi trên đầu giường. Ông nằm xuống kê đầu trên chân của tôi và ông niệm Phật. Tôi niệm Phật cùng ông và cuối cùng chưa đầy năm phút, ông nhìn tôi một cái, rồi nhắm mắt ra đi.

Đó là tự thân tôi chứng kiến, những vị tu tập Tịnh độ, mà Ông thân tôi cũng là Khuôn trưởng Khuôn Thành-công. Nghĩa là Ông thân tôi bao giờ cũng đặt Tam bảo lên đỉnh đầu, một Giới nhỏ cũng không bao giờ phạm. Những ngày gần mất, tôi hỏi “Ôn muốn gì”, ông nói:

“Không muốn gì nữa, chỉ muốn về với Phật thôi, mọi chuyện Khuôn hội, họ tộc đều sắp xếp hết cả rồi!”.

Như vậy, quý vị thấy, ba vị cư sĩ, họ không thông Tam tạng giáo điển, họ không giảng dạy giáo lý Phật giáo, thế mà họ an lạc xả bỏ báo thân này. Cho nên, Phật pháp là phải hành trì, phải đặt hết niềm tin vào đó để mà sống, chứ không phải đội niềm tin lên đỉnh đầu, phải biến niềm tin trở thành đời sống. Cho nên tôi trả lời mạnh dạn là tôi tin Tịnh độ Phật A-di-đà một cách tuyệt đối, vì tôi tin Tịnh giới tuyệt đối. Và tôi tin điều đó có cơ sở, vì chính bản thân tôi chứng kiến. Chưa nói

đến các bậc cao đức của mình. Các bậc cao đức của mình có những vị cũng rất tuyệt vời, nhưng mà mình không chứng kiến chỉ nghe nói thôi, còn đây là chứng kiến thực sự. Cho nên, thấy các vị chết mình thèm quá, cũng muốn chết luôn, mà đâu có dễ.

Từ đó, chết mới không làm mình sợ hãi nữa, không lo lắng, bởi vì có những người chết rất là đẹp, thì tại sao mình tu hành mà sợ chết? Chỉ sợ mình sống không dễ thương, sống không đẹp. Còn mình sống đẹp, sống có niềm tin Tam bảo, sống có Tịnh giới, sống có sự da trì lực của Tam bảo, sống có sự da trì lực từ

bản nguyện của các Ngài, thì nhất định mình sống đẹp, mình chết cũng đẹp. Cho nên, thứ nhất là do Chứng kiến, nên tôi tin có Tịnh độ của chư Phật và hiệu quả hành trì từ pháp môn ấy.

## **2-Thực nghiệm**

Thứ hai là do sự thực nghiệm.

Trong gia đình, vợ chồng gây nhau mà có người tu Tịnh độ, người chồng gây bà vợ, bà vợ đứng yên lặng nói: “Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật, Nam mô A-di-đà Phật”, lúc đầu bà niệm thì ông chồng thấy khó chịu, nhưng khi bà niệm đến ba niệm, đến năm niệm là cái giận của ông chồng, cái dữ dội của

ông lắng xuống liền. Hoặc hai, ba chị em gây nhau; hai, ba anh em gây nhau thì cũng vậy. Mình giận ai, mình nhắm mắt lại, theo dõi hơi thở vào ra của mình, nhiếp tâm niệm Phật theo hơi thở vào ra, cơn giận của mình sẽ lắng xuống, bực bội của mình sẽ lắng xuống.

Như vậy rõ ràng, nếu mình không tin và không thực hành lời Phật dạy thì thôi; còn tin và thực hành thì kết quả sẽ xảy ra cho mình ngay trong đời sống này, chứ chưa nói là sau khi kết thúc đời sống này. Cho nên, tôi tin tưởng pháp môn Tịnh độ, vì tôi tin tưởng Tịnh giới và đã thực hành Tịnh giới. Tôi đã thực hành pháp

môn này bằng sự thực nghiệm trong đời sống của chúng tôi, tôi nhiếp phục được tham, tôi nhiếp phục được sân, tôi nhiếp phục được si, tôi nhiếp phục được cái nghi ngờ trong đời sống của mình.

### **3-Suy nghiệm**

Thứ ba là suy nghiệm.

Giống như triết học, như toán học, mình có một suy tư về triết học, về toán học thì Tịnh độ cũng vậy. Nhiều vị nói là Tịnh độ không có, vì đức Phật không dạy ở trong Kinh A-hàm, ở trong kinh tạng Pāli. Nói như vậy, có nghĩa là các thầy đọc kinh một cách hời hợt, chiêm nghiệm lời Phật dạy một cách hời hợt. Còn nếu



chúng ta đọc và chiêm nghiệm một cách sâu sắc, thì chính Tịnh độ mở ra ở trong kinh A-hàm, ở trong kinh tạng Pāli; nó được thiết lập trên kinh A-hàm, trên kinh tạng Pāli. Câu kinh mà tôi dẫn ra thì ai cũng biết:”Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác”. Có phải là câu kinh này nằm ở trong văn hệ A-hàm, văn hệ Nikāya Pāli không? Không những nằm ở trong các kinh ấy mà còn là trụ não các kinh ấy. Như vậy, tâm tạo ra Tịnh độ và tâm tạo ra địa ngục; tâm này mà liên hệ phiền não tham, sân, si thì nó sẽ tạo ra địa ngục; tâm này liên hệ với Tịnh giới, liên hệ với đại nguyện, bản nguyện thì tạo ra Tịnh độ. Như vậy, tại sao nói là

kinh điển Tịnh độ, cảnh giới Tịnh độ của Phật A-di-đà không thấy ở trong kinh tạng A-hàm và kinh tạng Pāli? Cho nên, văn kinh rồi, thì phải tư kinh; tư kinh rồi, thì phải thực hành theo lời dạy của kinh, mới gọi là tu kinh.

Văn, tư, tu là ba pháp hành căn bản, xuyên suốt mọi pháp hành trong Phật giáo. Tại sao một số quý thầy đi học nước ngoài về, lại lớn tiếng nói là không có Tịnh độ Phật A-di-đà? Thế thì các thầy học cái gì từ Phật giáo, trong đó câu kinh rất căn bản: “Tâm dẫn đầu các pháp, tâm làm chủ, tâm tạo tác”. Chính tâm tạo tịnh độ, chính tâm tạo ra uế độ. Trong

kinh Duy-ma-cật nói: “Tâm tịnh thế giới tịnh”, và khi mình đi vào ở chùa, bài kệ đầu tiên mình tụng trong mỗi buổi chiều là “Nhược nhân dục liễu tri, tam thế nhất thiết Phật, ưng quán pháp giới tánh, nhất thế duy tâm tạo”.

“Nhược nhân dục liễu tri tam thế nhất thiết Phật = Nếu người nào muốn biết các đức Phật ba đời”. “Ưng quán pháp giới tánh, nhất thiết duy tâm tạo = Hãy quán chiếu tính chất vũ trụ, hết thấy đều được tác động bởi tâm”.

“Nhất thiết duy tâm tạo = tất cả đều được tác động bởi tâm”. Như vậy, tâm ta tịnh thì sao không có Tịnh độ? Vì do tâm

ta bất tịnh, bất tín, nên Tịnh độ không hiện tiền với chúng ta; tha phương Tịnh độ cũng không có với chúng ta; còn nếu tâm ta thanh tịnh, tâm ta thành tín, thì Tịnh độ nhất định hiện tiền với chúng ta và tha phương Tịnh độ là thế giới Tịnh độ tương thích của tâm thanh tịnh và thuần tín này. Tâm ta phiền não, tâm ta uế trược thì thế giới uế trược nó hiện tiền và những cảnh giới uế trược nó tương thích với tâm ấy của chúng ta.

Cho nên, tôi tin Tịnh độ, bởi vì tôi có sự chiêm nghiệm, mà sự suy nghiệm này từ đâu đến, từ nơi pháp học, pháp hành “văn, tư, tu” mà đến. Văn là lắng nghe,

lắng nghe Pháp được đức Phật trình bày trong mười hai thể loại kinh điển, hay là năm thời thuyết giáo của đức Phật, như lời phán giáo của ngài Thiên-thai Trí-giả, gồm: Hoa-nghiêm, A-hàm, Phương-đẳng, Bát-nhã, Pháp-hoa và Niết-bàn. Khi chúng ta nghe kinh điển đó thì chúng ta lắng nghe bằng tâm thành, bằng tâm thanh tịnh, nghe rất sâu và từ đó tuệ giác nghe kinh được sinh ra trong đời sống chúng ta. Tuệ sinh ra từ sự lắng nghe, gọi là Văn tuệ. Nghe rồi, chúng ta chiêm nghiệm thật sâu lời Phật dạy chuyên tải ở trong các thể loại kinh điển, các thời thuyết giáo của Phật, từ đó mà tuệ sinh ra, cho nên gọi là Tư tuệ. Sau khi nghe

rồi, sàng lọc, chiêm nghiệm, thấy pháp này phù hợp trong nhân duyên điều kiện của mình, thì mình ứng dụng vào trong đời sống. Khi mình ứng dụng vào trong đời sống của mình, cảm thấy an lạc và càng thực hành càng thấy vui, tâm mình mở ra, càng tu tầm nhìn của mình càng mở lớn ra và càng tu, mình càng có an lạc và hạnh phúc, từ đó mà mình tinh tấn tu tập mỗi ngày. Tuệ sinh ra là do sự thực hành giáo pháp đức Phật, nên gọi là Tu tuệ.

Cũng từ suy nghiệm và chiêm nghiệm này, khiến ta biết rằng, đã có cõi uế độ thì sao lại không có cõi Tịnh độ, có cõi này

thì có cái kia, chứ sao lại không có. Đã có thầy Trụ trì thì phải có chúng đệ tử, có chúng đệ tử thì phải có thầy Trụ trì. Bởi vì, có cái này thì có cái kia, có cái kia thì phải có cái này, trong pháp tương quan duyên khởi, gọi là y tha duyên khởi. Cho nên, đã có uest độ sao mà không có Tịnh độ, đã có phương Đông sao lại không có phương Tây, đã có phương Bắc sao lại không có phương Nam, bởi vì các pháp duyên với nhau mà khởi hiện.

Qua phương pháp chiêm nghiệm và suy nghiệm như vậy, cho nên ta biết chắc rằng, có Tịnh độ Phật A-di-đà và điều đó, ngày nay khoa học đã chứng minh

cho chúng ta biết rằng, ngoài hệ thống thiên hà này, còn có vô số hệ thống thiên hà khác. Những gì mà đức Phật Thích-ca nói trong các kinh điển, liên hệ về Tịnh độ của chư Phật nói chung và liên hệ đến Tịnh độ của Phật A-di-đà nói riêng, thì bây giờ đây, xã hội hiện đại khoa học này đang từ từ chứng minh những gì mà đức Phật đã nói về thế giới Tịnh độ của chư Phật.

Ví dụ, đức Phật Thích-ca đã từng dạy cho chúng ta về bốn mươi tám đại nguyện của đức Phật A-di-đà, trong đó nguyện thứ sáu: “Khi tôi thành Phật thì chư thiên và nhân loại nơi thế giới tôi đều



có thiên nhãn thông, nếu không phải vậy, thì tôi nguyện không thành bậc Chánh giác”. Thiên nhãn thông là ngồi một chỗ mà thấy cùng khắp mọi thế giới.

Bây giờ, mình ngồi một chỗ mà thấy mọi hình ảnh, qua các vệ tinh truyền hình và phát ra âm thanh, nghe khắp cả thế giới và thế giới đều nghe mình nói. Điều ấy, có phải là thiên nhãn thông, thiên nhĩ thông không, “thiên nhãn phổ kiến, thiên nhĩ phổ văn” không? Những gì tôi đang nói với quý vị ở chùa Vạn-đức, Thủ-đức đây, mà hiện tại quý vị đang ngồi cách đây 300 cây số ở chùa Vạn-linh, ở Châu-đốc cũng đang nghe, quý vị ở Mỹ cũng

đang nghe và cả toàn cầu đang nghe, điều ấy có phải là thiên nhĩ phổ văn không? Và quý vị ở các nơi đang trông thấy hình ảnh của tôi đang nói, có phải là thiên nhãn phổ kiến không?

Tất cả những văn minh ấy, chỉ là một phần nhỏ nhỏ của nền văn minh Tịnh độ. Nhưng bởi vì tri thức mình bị giới hạn, cái hiểu biết bị đóng khung, nên mình nói không có Tịnh độ Phật A-di-đà. Nói không có, tức là mình tự giới thiệu trí thức kém cỏi của mình với văn minh khoa học hiện đại, chứ chưa nói rằng là quá kém cỏi với đức tin Tam bảo và giáo lý Phật giáo.

Cảnh giới Tịnh độ của Phật còn mô tả rằng: “Mình đi tới là cái cửa tự mở ra” thì bây giờ đây, người ta kết cấu gọi là cửa cảm ứng, nên mình đi tới nó tự mở, cho nên những gì mà đức Phật Thích-ca nói về thế giới Tịnh độ của chư Phật, được chư Tổ ghi chép, giữ gìn lại ở trong các kinh điển, thì bây giờ đây khoa học đang nghiên cứu và ứng dụng nó vào thế giới hiện thực này, chúng ta đang thừa hưởng tư tưởng Tịnh độ mà không biết.

#### **4- Nghe từ các bậc Trí giả nội chứng**

Thứ tư là nghe từ các bậc trí giả nội chứng.

Hỏi “Vì sao mà Thầy tin Tịnh độ?”. Tôi chưa có khả năng suy nghiệm, cũng không có khả năng chứng kiến và tôi cũng chưa có khả năng thực nghiệm, nhưng mà tôi tin tưởng vào lời dạy của các bậc Trí giả nội chứng nói lại, tôi tin từ những bậc thầy của tôi. Vậy, thầy mình nói lời đó từ đâu? Là từ lời của Thầy tổ. Thầy tổ của chúng ta nói gì không phải các Ngài nói suông mà các Ngài đều nói ở nơi sự chứng nghiệm của tự thân. Nên, tôi tin có Tịnh độ là từ các bậc Trí giả nội chứng, trước mắt là Thầy tổ của tôi. Thầy tôi tin vào các vị Tổ sư trước đó nói lại qua kinh điển, qua các luận bản. Chúng ta không tin bản kinh Bi-hoa do

ngài Đàm-vô-sấm dịch hay sao? Ngài Đàm-vô-sấm đâu phải người Trung-hoa. Có nhiều vị nói là Tịnh độ do các Tổ sư Trung-hoa đưa ra, nói như vậy là nói quá nguy hiểm. Quá nguy hiểm! Vì ngài Đàm-vô-sấm đâu phải người Trung-hoa, Ngài người Ấn-độ mà. Cho nên, bản kinh Bi-hoa có nói về Tịnh độ của Phật A-di-đà, nói về sự quan hệ giữa đức Phật A-di-đà và ngài Bốn sư của chúng ta, đồng thời nhấn mạnh tâm đại bi của hai Ngài trong sự thực hành gọi là “Nhiều ích hữu tình giới” làm lợi ích chúng sanh. Bây giờ mình không tin các Ngài, không tin kinh thì tin ai? Tin thầy A, thầy B, thầy C à? Tin những học giả và học thuyết thế gian

à? Chúng ta không tin kinh Vô lượng thọ của ngài Khương-tăng-khai dịch sao? Chúng ta không tin vào bản kinh A-di-đà của ngài Cưu-ma-la-thập dịch? Chúng ta không tin vào bản kinh Xưng tán Tịnh độ nhiếp thọ của ngài Huyền-tráng dịch? Mình không tin các Ngài, thì tin ai bây giờ? Lịch sử nhân loại nhìn các Ngài là những con người vĩ đại trong mặt dịch thuật, học thuật, trong mặt trí thức, lịch sử nhân loại chưa hề phủ nhận công trình trí tuệ của các Ngài đóng góp cho nhân loại. Vậy, hỏi chúng ta là ai mà dám phủ nhận các công trình dịch thuật và học thuật ấy.

Chúng ta không tin vào ngài Long-thọ, chúng ta không tin vào ngài Thế-thân thì tin ai? Ngài Long-thọ trong Thập trụ Tỳ-bà-sa đã nói đến pháp nan hành và dị hành. Ngài ca ngợi pháp môn Tịnh độ là pháp dị hành và tu tập Thánh đạo là pháp nan hành. Tu tập Tịnh độ là pháp dị hành, pháp môn dễ thực tập, bởi vì có sự da trì lực từ bản nguyện. Cỡ như ngài Long-thọ mà còn tin tưởng Tịnh độ, cỡ như ngài Long-thọ còn ca ngợi Tịnh độ, thì hỏi mình trí thức ngang đâu, trí thức chẳng ăn nhập vào đâu so với các Ngài, mà dám hỗn láo. Ngài Thế-thân viết Vãng sanh luận hay Vô-lượng-thọ kinh Ưu-bà-đề-xá, cuối cùng ngài Thế-thân phát

nguyên sanh Tây phương, ngài Long-thọ cũng cầu nguyện được sanh Tây phương và lớn hơn nữa, là Bồ tát Văn-thù, Bồ tát Phổ-hiền đều nguyện sanh Tây phương. Trong Văn-thù sở vấn kinh và kinh Hoa-nghiêm, các ngài Văn-thù cũng như Phổ-hiền đều nguyện sanh Tây phương. Đó là tôi nói về các bậc đại trí tuệ ở Ấn-độ, chứ chưa nói đến Trung-hoa, chưa nói đến Việt-nam, chưa nói đến Nhật-bản, chưa nói đến Hàn-quốc, Mông-cổ, Tây-tạng...

Vì vậy, ta phải tin tưởng vào Tịnh độ tuyệt đối từ nơi nghe các bậc Trí giả nội chứng. Các Ngài không phải nói bằng lời mà nói bằng văn bản, nói bằng luận cứ,



bằng sự chứng nghiệm... Như vậy, mình có cơ sở để tin giáo lý Tịnh độ chưa? Phải nắm cho vững giáo lý và lịch sử Tịnh độ, nếu không mình sẽ bị một số người lợi dụng sự hiểu biết hời hợt đánh phá Tịnh độ làm cho niềm tin của mình bị chao đảo.

Kinh Tứ thập nhị chương dạy: “Nghịch phong dương trần, trần bất chí bỉ, hoàn bộn kỳ thân. Ngưỡng diện thóa thiên, thóa bất chí thiên hoàn cần kì họa” = “Đi ngược gió mà giê bụi, bụi không đến người ta, mà ngược trở lại dính lấm lem mình; nhỏ nước miếng lên trời, nước miếng không thấu trời mà rơi lại nơi mặt

mình”. Cho nên, không một ai tà tâm, ác tâm mà có thể đánh giá được Phật giáo nói chung và giáo lý hạnh quả Tịnh độ nói riêng. Phật giáo là kết tinh từ tuệ giác của chư Phật và được truyền thừa kết tinh từ những tinh hoa chứng nghiệm của chư vị Tổ sư Đông, Tây kim cổ.

Khi mình tu học đối với Tịnh độ là cảnh giới mà mình hằng ước nguyện được sanh về đó, thì mình cũng phải có những cách trả lời như vậy đối với Tịnh độ.

Người tu tập Tịnh độ nguyện sanh về thế giới ấy, không phải để hưởng thụ, mà nguyện sanh về đó để tiếp tục nuôi lớn tâm Bồ đề, nuôi lớn nguyện và hạnh

Bồ đề của mình. Nguyên sanh Tịnh độ để học mô thức Tịnh độ của Phật A-di-đà và từ đó vận dụng mô thức ấy vào đời sống của chính mình với nhiều hình thức khác nhau, với nhiều không gian khác nhau, để đem lại lợi ích cho muôn loài, mỗi khi mình có được cơ duyên.

Đức Phật A-di-đà khi hành Bồ tát đạo, Ngài cũng đã từng đi tham cứu hết cả mười phương Tịnh độ, mười phương chư Phật và có đến 500-600 đại nguyện, cùng nhiều đại nguyện của chư Phật, nhưng Ngài sàng lọc lại còn bốn mươi tám đại nguyện, để xây dựng quê hương Tịnh độ của chính mình, nhằm giúp chúng sanh

trong mười phương vãng sanh Tịnh độ của Ngài, nuôi lớn tâm ấy và phát triển tâm ấy đến chỗ viên mãn.

### **III. Bản nguyện Tịnh độ**

Quý Thầy, quý Cô biết là phàm phu thì hay nói dối nhau, vì quyền lợi mà nói dối nhau. Còn đức Phật đâu có quyền lợi gì đâu mà nói dối, Ngài luôn nói lời chân thật. Các vị Tổ sư có quyền lợi gì nơi cõi này đâu mà nói dối chúng sinh, các Ngài đều nói lời chân thật. Thầy tổ chúng ta đâu có vì lợi gì nơi những đứa học trò ngu dốt mà nói dối chúng. Cho nên, các Ngài đều nói lời chân thật. Chỉ có phàm

phu là hay nói dối nhau thôi, nói dối vì danh lợi; chư Phật, chư Tổ của chúng ta đâu phải vì danh lợi để có mặt trong cuộc đời này đâu, các Ngài có mặt trong cuộc đời này là vì tâm đại bi, vì đại nguyện bồ đề, chứ không phải vì bất cứ một thứ gì khác.

Do đó, Tịnh độ của chư Phật nói chung và của Phật A-di-đà nói riêng là được thiết đặt trên nền tảng Bản nguyện. Cõi Tịnh độ an lạc, hạnh phúc là vì được thiết lập trên nền tảng bản nguyện, còn thế giới của chúng ta không có hạnh phúc là vì chúng ta đến đây vì nghiệp lực và bị nghiệp lực ràng buộc.

Chúng ta đi tu mà có được hạnh phúc là vì chúng ta có bản nguyện. Chúng ta tụng kinh, ngồi thiền, niệm Phật, ăn chay, làm các công việc của Tam bảo... mà có hạnh phúc là vì do chúng ta tự nguyện và tất cả đều từ nơi bản nguyện Bồ tát đạo của chúng ta. Chúng ta quét nhà cũng thấy hạnh phúc, tụng kinh cũng hạnh phúc, ngồi thiền cũng hạnh phúc, trì chú cũng hạnh phúc..., làm bất cứ thứ gì đi từ nơi bản nguyện là chúng ta có hạnh phúc, có hạnh phúc ngay trong hành động của chính mình. Nên, Tịnh độ của chư Phật hay là Tịnh độ của Phật A-di-đà, các bậc Thiện nhân, Chư thiên, Thanh văn, Duyên giác cho đến Bồ tát

Nhứt sanh bồ xứ, đều là tự nguyện và phát nguyện vãng sanh Tịnh độ của chư Phật.

Từ bản nguyện và đại nguyện Tịnh độ của chư Phật, Bồ tát và các bậc Thánh giả nguyện sanh, kết tinh lại thành một khối cực lạc, khối an lạc, an lạc cùng cực, nhìn đâu cũng thấy an lạc, không ở đâu không lúc nào là không an lạc, nên gọi là cực lạc. Mở mắt ra là lạc, nhắm mắt lại cũng lạc, mọi hành hoạt của các Ngài đều ở trong an lạc. An lạc đó là từ nơi đại nguyện, nơi bản nguyện mà hiện khởi, vì vậy gọi là cực lạc do đi từ nơi bản nguyện, từ nơi đại nguyện.

Vì vậy chúng ta tu mà không có bản nguyện, không có đại nguyện thì chúng ta tu rất mệt và vất vả lắm. Tu tập mà không thiết lập bản nguyện và đại nguyện, thì mọi hành hoạt của chúng ta chỉ là đối phó. Tu mà đối phó là khổ não rồi; tụng kinh mà bị đi tụng kinh là khổ rồi, chứ không thể nói tụng kinh là sướng; ngồi thiền mà bị đi ngồi thiền là khổ rồi, làm việc chùa mà bị làm việc chùa là khổ rồi, bị thầy Trụ trì sai làm việc chùa là khổ rồi, bị Tri sự sai đi làm việc chùa là khổ rồi.

Làm việc chùa, vì mình thấy cái đó cần phải làm, làm có lợi ích thì mình lập



nguyện mà làm. Tụng kinh hạnh phúc là vì tụng kinh trong hạnh nguyện; quét chùa hạnh phúc, ngồi thiền hạnh phúc, đi khất thực,... đều thiết lập trên bản nguyện và đại nguyện thì không có gì mà không hạnh phúc.

Thế giới Tịnh độ là thế giới được thiết lập trên nền tảng của bản nguyện và đại nguyện, đó là lý do tại sao gọi thế giới Tịnh độ là thế giới an lạc hay cực lạc.

Nền tảng Tịnh độ được thiết lập từ nơi tâm ý. Giới là hàng rào phòng hộ tâm ý, khiến cho điều ác không xảy ra nơi tâm ý và điều xấu cũng không xâm nhập

vào tâm ý. Thế giới Tịnh độ được thiết lập trên nền tảng tâm ý thanh tịnh, nên gọi là tự tịnh kỳ ý.

Trong kinh Duy-ma-cật khi nói về thế giới Hương-tích thì ngài Xá-lợi-phất liền nghĩ: “Thế giới Hương-tích sao nó đẹp và thanh tịnh như vậy? Thế thì đức Thế tôn của chúng ta tâm ý như thế nào mà thế giới của Ngài uế độ như thế này?”. Đức Phật liền biết ý niệm ấy của Tôn giả Xá-lợi-phất, nên Ngài liền gọi Tôn giả mà bảo: “Này ông Xá-lợi-phất! Thế giới của Như-lai thanh tịnh, nhưng mà thấy bất tịnh là do tâm ý của chúng sanh bất tịnh, chứ không phải thế giới của Như-lai bất

tịnh. Thế giới Như-lai thanh tịnh, nhưng bất tịnh là vì do tâm chúng sanh bất tịnh nhìn thế giới Như-lai, nên không phát hiện ra sự thanh tịnh, chứ thế giới của Như-lai là thanh tịnh”. Nói xong, Ngài liền ấn ngón chân cái xuống đất, cảnh giới Tịnh độ của Phật Thích-ca liền hiện ra rất thanh tịnh và tất cả hội chúng đang ngồi ở đó, ai cũng thấy mình ngồi trên tòa sen thanh tịnh và trang nghiêm. Sau đó, đức Phật dùng thần lực đưa chúng sanh trở lại với tâm ý của họ và chúng sanh liền thấy cõi này là uế độ.

Như vậy, chúng ta muốn về Tịnh độ là phải về bằng tự tâm thanh tịnh và có

sự da trì lực của chư Phật, còn nếu chỉ có tự thân thì chúng ta không có đủ năng lực để về. Cho nên nói đến Tịnh độ là nói đến có sự da trì lực của chư Phật, của các vị Bồ tát. Còn nếu tự lực, chí phàm phu khó thành:

“Chí phàm phu tự lực khó thành

Cầu Đại giác từ bi đa hộ.

Dầu phải chịu muôn ngàn gian khổ

Con dốc lòng vì đạo hy sinh.

Nương từ quang tìm đến bảo thành...”.

Cho nên, khi mình ngủ thì phải nhờ ai đánh thức cho mình, phải nhờ chuông báo thức hoặc nhờ thầy tuần chúng đi

đánh thức mình, nhờ những bạn đồng tu ít ngủ đánh thức cho mình, gọi mình dậy để mình đi tụng thời công phu khuya. Tất cả chúng ta tu tập đều phải có da trì lực. Nhưng mà da trì lực rồi, mình không có tự lực thì cũng không được. Nên, tự lực và tha lực luôn luôn hỗ trợ nhau và chúng đều có mặt trong nhau, tạo nên chất xúc tác vãng sanh Tịnh độ.

#### **IV. Tín Căn Và Tín Lực**

Quý Thầy, quý Cô đã học Duy thức rồi, Tín là một trong 11 Thiện tâm sở (tín, tà, quý, vô tham, vô sân, vô si, cần, khinh an, bất phóng dật, hành xả,

bất hại). Nên, Tín là căn bản của thiện pháp, vốn có nơi tâm chúng ta. Tịnh độ được thiết lập từ nơi Tín căn này. Có trí cũng chưa hẳn đã nhận được cảnh giới Tịnh độ, mà Tín có khả năng nhập vào cảnh giới Tịnh độ. Người mà có niềm tin Tịnh độ, họ dễ đi về Tịnh độ hơn là người luận giải về Tịnh độ. Bởi vì luận giải là luận giải theo thức và trí, trong lúc đó người tin Tịnh độ và họ tha thiết về Tịnh độ, họ có năng lực của Tịnh độ hiện tiền, dễ có sự da trì lực để nhập vào cảnh giới Tịnh độ của chư Phật. Cho nên, Tín đi vào được mà Trí chưa hẳn đi vào được.

Trong kinh Viên giác nói “Vị xuất luân hồi nhi biện viên giác, bỉ viện giác tính tức đồng lưu chuyển”. Nghĩa là chưa ra khỏi luân hồi mà luận bàn viên giác tính, thì cái tính viên giác kia cũng đồng lưu chuyển trong sanh tử mà thôi. Tức là mình chưa thoát ra khỏi sanh tử mà bàn đến Tịnh độ thì Tịnh độ đó là Tịnh độ của người còn nằm trong uế độ sanh tử, dù bàn luận cỡ mấy đi chăng nữa, thì cũng chỉ là cái luận bàn trong ngôn ngữ của con người ở trong sinh tử uế độ. Ta đem cái trí thức ở trong uế độ mà bàn Tịnh độ, thì tịnh độ ấy là Tịnh độ của kẻ uế độ. Tuy nhiên, người có niềm tin tuyệt đối với Tịnh độ và có sự da trì lực

của chư Phật, Bồ tát thì họ có thể đi tới được với Tịnh độ của chư Phật.

Đối với Tịnh độ của chư Phật, những người có niềm tin tuyệt đối, họ có thể chứng nhập được cảnh giới Tịnh độ. Chứng nhập bằng cách nhất tâm trì niệm danh hiệu của đức Phật A-di-đà.

Trong lúc lâm chung, ta niệm danh hiệu đức Phật A-di-đà từ một niệm cho đến mười niệm với tâm thuần nhất bất loạn, thì tức khắc kết thúc sinh mệnh liền sanh về cõi Tịnh độ. Nhưng, muốn niệm được mười niệm danh hiệu Phật A-di-đà trong giờ phút lâm chung với tâm bất loạn, thì ta phải niệm cho đến vô lượng



danh hiệu Phật A-di-đà, thì may ra đến giờ phút đó, ta mới có được mười niệm hiện tiền với tâm bất loạn. Chứ để đến khi lâm chung mà niệm, thì ngay một niệm còn không thể được, nói gì đến mười niệm.

Trong đời sống vợ chồng gắn bó với nhau, thế mà khi sắp lâm chung, bà vợ hỏi ông chồng “Anh có nhớ em không, biết em là ai không?”, người chồng không biết hay biết một cách mơ màng. Vợ chồng sống với nhau cả đời mà đến giờ phút đó, hỏi còn không biết, huống gì biết Phật, biết Tịnh độ của Phật.

Cho nên, để có được mười niệm trong giây phút lâm chung, hành giả Tịnh độ phải trải qua thời gian lâu xa hành trì miên mật, đến giờ phút đó, mới có được mười niệm danh hiệu Phật A-di-đà thuần nhất thanh tịnh, tạo thành nhân hạnh vãng sanh.

Bởi vì trong kinh đức Phật dạy, sự khổ đau do năm uẩn tương tác phân rã là đau đớn khủng khiếp. Các đại chủng rắn, lỏng, nhiệt và khí của cơ thể xung đột và bức hại lẫn nhau, thì sự thống khổ ở giờ phút ấy cực kỳ mãnh liệt, không có sự khổ đau nào mãnh liệt hơn sự khổ đau xảy ra trong lúc này.

Khi bị sắc uẩn phân rã, các đại chủng xung đột bức hại nhau, khiến thủy đại tăng thanh, bấy giờ người sắp chết có cảm giác như là mình đang bị chìm xuống đáy đại dương, tâm sinh sợ hãi, hoảng loạn. Khi địa đại tăng thanh, người sắp chết có cảm giác bị núi Thái sơn, núi Tu-di sụp đổ và đè nặng không tưởng tượng được. Khi hỏa đại tăng thanh, người sắp lâm chung có cảm giác như bị trăm ngàn ngọn lửa, trăm ngàn mặt trời chiếu rọi vào mình, chúng nóng khủng khiếp. Khi mà phong đại tăng thanh, người sắp lâm chung cảm thấy mình mất trọng lực, bị lơ lửng giữa không trung, mất cảm giác, mất trọng lực, tâm thần hoảng loạn. Người

sắp lâm chung sống trong trạng thái tâm thần khổ đau hoảng loạn như vậy, thì có đâu nhớ Phật mà niệm.

## V. Khuyến tấn

Chúng ta niệm Phật là phải niệm miên mật ngay từ khi biết Phật, ngay từ khi biết pháp môn Tịnh độ. Hành trì miên mật, chứ đến lúc các đại chủng phân ly, chúng tạo ra khổ thống vô lượng. Mỗi tế bào là một ngọn lửa hay mỗi tế bào là một ngọn gió hay mỗi tế bào là ngọn núi lớn, mỗi tế bào là mỗi đại dương chảy xiết, lúc ấy ta không đủ lực để khởi lên

một niệm đối với Phật, mà tất cả niệm đều thuộc về vô minh.

Vì vậy, chúng ta phải hạ thủ công phu, ngay từ khi chúng ta biết Phật pháp. “Mạc đãi lão lai phương học đạo, cô phần đa thị thiếu niên nhân”. Chớ hện tuổi già mới học đạo, mờ hoang lắm kẻ tuổi xuân xanh.

Chúng ta cũng đừng cho rằng, chúng ta đang như thế này là đang học đạo, đầy thực ra mình chỉ cạo đầu, mặc áo, nhưng chưa chắc mình đã học được đạo, chưa chắc mình đã thấy được đạo, chưa chắc mình đã nhận ra được đạo và chưa phải

đã gia nhập được vào trong dòng dõi của Phật pháp, dòng dõi của Chánh pháp.

Cho nên, mình phải hành trì ngay từ khi mình biết Phật pháp. Có nhiều người đến khi gần chết, buộc phải tắt đèn hết, chỉ cần có một ngọn đèn nổi lên là la lên “tắt đi, tắt đi”, bởi vì một ngọn đèn nhỏ thôi mà khi hỏa đại bốc lên là họ thấy như hàng vạn mặt trời đang chia vào họ. Nói như vậy, để quý thầy thấy những gì đức Phật chia sẻ và dạy dỗ chúng ta là Ngài nói hết rồi, chư Tổ của mình đã ghi chép lại cho mình hết rồi, chỉ là do tâm mình giải đãi, chưa ý thức được vô thường biến đổi trong từng sát-na, chưa hiểu được bản

nguyên xuất gia của chúng ta, nên khiến chúng ta tự khoan thứ những biếng nhác, trễ nãi trong sự tu tập.

*Học chúng Chánh-tâm kính phiên tả*

# TU TẬP TỊNH GIỚI VÀ PHÁP MÔN TỊNH ĐỘ

*Thích Thái Hòa*

HỘI LUẬT GIA VIỆT NAM  
NHÀ XUẤT BẢN HỒNG ĐỨC  
65 Tràng Thi, Quận Hoàn Kiếm, Hà Nội  
Email: nhaxuatbanhongduc@yahoo.com  
nhaxuatbanhongduc65@gmail.com  
ĐT: 024.39260024 - Fax: 024.39260031

\*

Chịu trách nhiệm xuất bản:  
Giám đốc Bùi Việt Bắc  
Chịu trách nhiệm nội dung:  
Tổng biên tập Lý Bá Toàn  
Biên tập: Th.S Nguyễn Khắc Oánh  
Vi tính: Nghiêm Minh  
Chính tả: Quảng Huệ  
Bìa: Bảo Nguyên - Bảo An  
Gia đình bà: Huỳnh Kim Phụng ấn tống

---

In 10.000 bản, khổ 14,5 x 20,5cm  
Tại Công ty Cổ phần In Minh Phương  
Lô II-5 Đường số 11, Nhóm CN II, KCN Tân Bình,  
P. Tây Thạnh, Q. Tân Phú, TP.HCM  
Số XNĐKXB:  
Số QĐXB:  
Mã số ISBN:  
In xong và nộp lưu chiểu năm